TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 06 – 5 – 2025
"Về tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hứa Minh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Quang Minh

2. Ông Nguyễn Công Trường

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Tuyết Ngân, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2025/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 02 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị N, sinh năm: 1999 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M.T C, xã K.B.T.B, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh Bùi Văn Ch, sinh năm: 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M.T C, xã K.B.T.B, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 24/02/2025, biên bản đề nghị vắng mặt ngày 19/3/2025, chị Thạch Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn Ch xác lập quan hệ hôn nhân và chung sống vợ chồng vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã K.B.T.B, huyện T, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục, tập quán và được gia đình hai bên chấp thuận.

Quá trình chung sống, chị N cho rằng tình cảm vợ chồng không còn gắn bó, anh Ch có người phụ nữ khác nên không quan tâm đến gia đình, bỏ mặc chị lo liệu, từ đó mâu thuẫn kéo dài mà không có cách khắc phục nên chị và anh Ch không

còn sống chung vợ chồng hơn một năm nay. Do đó, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ch.

- Về con chung: Chị N xác định giữa chị và anh Ch có 01 người con chung là Bùi Bích Tr, sinh ngày 21/12/2018, hiện đang sống chung với anh Ch. Khi ly hôn, chị đồng ý giao con chung cho anh Ch được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị N xác định không có.

- Về nợ chung: Chị N khai rằng giữa chị và anh Ch không có nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

* Đối với anh Bùi Văn Ch vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Về loại việc tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Tranh chấp giữa chị Thạch Thị N và anh Bùi Văn Ch là tranh chấp về ly hôn và nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc vắng mặt của anh Bùi Văn Ch: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến phiên tòa để tham gia xét xử vụ án, do anh Ch trực tiếp nhận các văn bản tố tụng nhưng anh Ch vẫn không có ý kiến phản hồi đồng thời cũng không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Ch theo quy định. Đối với việc đề nghị vắng mặt của chị Thạch Thị N, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị N theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Thạch Thị N và anh Bùi Văn Ch xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn vào năm 2019 và đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống, do vợ chồng có nhiều điểm bất đồng trong cuộc sống, dẫn đến tình cảm sức mẻ, không quan tâm, chăm sóc, cảm thông, chia sẻ lẫn nhau. Xét mâu thuẫn thực tế là có nhiều mâu thuẫn, nhận thấy về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong cuộc sống vợ chồng của anh chị, mỗi người đều có cách sống, cách nghĩ khác nhau. Từ đó, giữa vợ chồng đã nhiều lần cải vã, làm mất lòng tin đối với nhau, mỗi người có cuộc sống và mối quan hệ riêng tư, không quan tâm, giúp đở lẫn nhau. Mặt khác, sau khi xảy ra mâu thuẫn, anh chị tự sống riêng để anh, chị tìm cách dung hoà nhằm hàn gắn tình cảm vợ, chồng nhưng không có hiệu quả. Thời gian này để cho anh, chị có điều kiện thử thách bản thân, suy ngẫm về cuộc sống vợ chồng đã qua nhằm tìm cách tháo gỡ, khắc phục khuyết điểm của mỗi bên để vợ, chồng đoàn tụ nhưng không ai có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn và cũng không quan tâm, thăm hỏi, giúp đỡ lẫn nhau. Bên cạnh đó, chị N cương quyết ly hôn, nếu

không được xem xét thì chị cũng không thể quay lại chung sống với anh Ch, vì tình cảm không còn và tương lai, hạnh phúc cũng không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N được ly hôn anh Ch là có căn cứ.

[3] Về con chung: Cháu Bùi Bích Tr, sinh ngày 21/12/2018, hiện đang sống chung với anh Ch, đồng thời do điều kiện công việc nên chị N thống nhất tiếp tục giao cháu Tr cho anh Ch trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy sự tự nguyện của chị N là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con: Anh Ch không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị N xác định không có nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị N khai rằng giữa chị và anh Ch không có nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Thạch Thị N về việc ly hôn anh Bùi Văn Ch.

2. Về con chung: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Thạch Thị N tiếp tục giao cháu Bùi Bích Tr, sinh ngày 21/12/2018 cho anh Bùi Văn Ch trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị Thạch Thị N không trực tiếp nuôi con vẫn được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị Thạch Thị N phải chịu 300.000đ. Ngày 24 tháng 02 năm 2025, chị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số: 5248 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Chị Thạch Thị N và anh Bùi Văn Ch được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã K.B.T.B, huyện T;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Hứa Minh Hải